TOÁN KINH PHÍ PHÍ
LẬP BỘ ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 28 /5/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Dự toán đơn vị đề nghị		Dự toán Sở Tài chính thẩm định	Chênh lệch	Ghi chú
		Ccg	Diễn giải	Giá trị			
1	Chi phí chuyên gia	Cql	(Bảng 1)	226.000.000	226.000.000	0	
2	Chi phí quản lý	Ck	55%*Ccg	124.300.000	124.300.000	0	Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
3	Chi phí khác	TN	(Bảng 2)	28.500.000	18.000.000	-10.500.000	
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	VAT	6%*(Ccg+Cql)	21.018.000	21.018.000	0	
5	Thuế giá trị gia tăng	Ctv	8%*(Ccg+Cql+Ck+TN)	31.985.440	29.705.440	-2.280.000	Không tính Chi phí khác
	Tổng		Ccg+Cql+Ck+TN+VAT	431.803.440	419.023.440	-12.780.000	
Làm tròn				**431.803.000**	**419.000.000**	**-12.803.000**	

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về việc xác định số ngày công chuyên gia, đảm bảo đúng hồ sơ yêu cầu về tiêu chuẩn của chuyên gia theo đúng Mức lương quy định tại Bảng 6.3, Phụ lục số VI, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)

BANG 1. CHI PHI CHUYEN GIA

(Kèm theo Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 28 /5/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chức danh thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)	Mức lương tư vấn xây dựng (Bảng 6.3, Phụ lục số VI, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)		Giá trị
I	**Lập đề cương thực hiện công việc; Lập danh mục đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cần xác định và lựa chọn các yếu tố đầu vào**					
1	Chuyên gia 1	Chủ trì	5	900.000	*Mức lương Nhóm II (không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công)*	4.500.000
2	Chuyên gia 2	Thực hiện	20	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	10.000.000
II	**Thu thập số liệu về dự toán được duyệt, hồ sơ quyết toán… các công trình xây dưng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, chọn danh mục và số lượng các công việc để tính toán đơn giá phần khảo sát xây dựng**					
1	Chuyên gia 1	Chủ trì	5	900.000	*Mức lương Nhóm II (không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công)*	4.500.000
2	Chuyên gia 2	Thực hiện	15	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	7.500.000
3	Chuyên gia 3	Thực hiện	15	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	7.500.000
III	**Thu thập số liệu về dự toán được duyệt, hồ sơ quyết toán… các công trình xây dưng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, chọn danh mục và số lượng các công việc để tính toán đơn giá phần xây dựng**					
1	Chuyên gia 1	Chủ trì	10	900.000	*Mức lương Nhóm II (không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công)*	9.000.000

STT	Nội dung	Chức danh thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)	Mức lương tư vấn xây dựng (Bảng 6.3, Phụ lục số VI, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)		Giá trị
2	Chuyên gia 2	Thực hiện	30	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	15.000.000
3	Chuyên gia 3	Thực hiện	30	500.000	*Kỹ thuật viên*	15.000.000
IV	**Thu thập số liệu về dự toán được duyệt, hồ sơ quyết toán… các công trình xây dưng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, chọn danh mục và số lượng các công việc để tính toán đơn giá phần lắp đặt thiết bị kỹ thuật của công trình**					
1	Chuyên gia 1	Chủ trì	10	900.000	*Mức lương Nhóm II (không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công)*	9.000.000
2	Chuyên gia 2	Thực hiện	30	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	15.000.000
3	Chuyên gia 3	Thực hiện	30	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	15.000.000
V	**Nhóm 5: Thu thập số liệu về dự toán được duyệt, hồ sơ quyết toán… các công trình xây dưng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, chọn danh mục và số lượng các công việc để tính toán đơn giá phần sửa chữa và bảo dưỡng công trình**					
1	Chuyên gia 1	Chủ trì	10	900.000	*Mức lương Nhóm II (không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công)*	9.000.000
2	Chuyên gia 2	Thực hiện	30	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	15.000.000
3	Chuyên gia 3	Thực hiện	30	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	15.000.000

STT	Nội dung	Chức danh thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)	Mức lương tư vấn xây dựng (Bảng 6.3, Phụ lục số VI, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)		Giá trị
VI	**Thu thập số liệu về dự toán được duyệt, hồ sơ quyết toán… các công trình xây dưng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, chọn danh mục và số lượng các công việc để tính toán đơn giá phần thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**					
1	Chuyên gia 1	Chủ trì	10	900.000	*Mức lương Nhóm II (không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công)*	9.000.000
2	Chuyên gia 2	Thực hiện	30	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	15.000.000
3	Chuyên gia 3	Thực hiện	30	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	15.000.000
VII	**Xử lý số liệu, mã hóa dữ liệu về giá các yếu tố tính toán bộ đơn giá xây dựng công trình.**					
2	Chuyên gia 1	Chủ trì	15	900.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	13.500.000
3	Chuyên gia 2	Thực hiện	45	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	22.500.000
4	Chuyên gia 3	Thực hiện	45	500.000	*Mức lương Nhóm IV (không vượt quá 580.000 đồng/ngày công)*	22.500.000
	Tổng cộng		**400**			**226.000.000**

BẢNG 2. CHI PHÍ KHÁC

(Kèm theo Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 28 /5/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Dự toán đơn vị đề nghị			Dự toán Sở Tài chính thẩm định			Chênh lệch	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
1	Chi phí in ấn tài liệu dự thảo	Gram *(giấy A4)*	6,00	80.000	480.000	6,00	80.000	480.000	0	Thanh toán theo thực tế; Sở Tài chính đã trao đổi với đơn vị đề nghị làm rõ hơn so với dự toán tại Báo cáo 104/BC-SXD
2	Chi phí in ấn bộ đơn giá chính thức	Bộ *(1320 trang)*	20,00	550	14.520.000	20,00	550	14.520.000	0	
3	Chi phí khấu hao thiết bị	Bảng 2.4			3.000.000		3.000.000	3.000.000	0	
4	Chi phí công tác phí của đơn vị tư vấn								0	Thực hiện chi trả trong chi phí quản lý
	- Chi phí đi lại thuê xe Hà Nội - Lạng Sơn (ký hợp đồng, thu thập số liệu phục vụ cho công tác tính toán bộ đơn giá) - 03 chuyến (4 người/chuyến)	chuyến	3,00	2.500.000	7.500.000				-7.500.000	
	- Thuê phòng nghỉ (mức đơn giá vận dụng Điều 7, Thông tư 40/2017/TT-BTC) - 3 chuyến x 2 phòng/chuyến (4 người x 2 phòng)	đêm/ng	6	300.000	1.800.000				-1.800.000	
	- Phụ cấp lưu trú (mức đơn giá vận dụng Điều 6, Thông tư 40/2017/TT-BTC)	ngày/ng	6	200.000	1.200.000				-1.200.000	
	Tổng				**28.500.000**			**18.000.000**	**-10.500.000**	

BẢNG 3. CHI PHÍ KHẤU HAO THIẾT BỊ

(Kèm theo Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 28 /5/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính; đồng

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguyên giá	Thời gian khấu hao (tháng)	Thời gian thực hiện công việc (tháng)	Thành tiền
1	Máy tính	máy	3	15.000.000	60	3	2.250.000
2	Máy in A4	máy	3	5.000.000	60	3	750.000
	Tổng Cộng						**3.000.000**

Ghi chú:

- Thời gian khấu hao theo Phụ lục I Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 (5 năm)
- Thời gian thực hiện công việc theo đề cương (3 tháng)